TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 06/01/2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Lan Hương

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhật Hiếu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 125/2025/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 168/2025/HNGĐ-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2025/QĐ-PT ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Hồ Quốc K**, sinh năm 1969.

Địa chỉ thường trú: I, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Nai (phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

Địa chỉ liên hệ: 252/76 đường B, tổ B, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: I, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Nai (phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

(Ông K, bà L cùng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

- Theo nguyên đơn ông Hồ Quốc K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa ông K và bà L là tự nguyện. Trong quá trình sống chung, vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Năm 2024, ông đã nộp đơn xin ly hôn với bà L tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, hồ sơ được chuyển cho Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết ông đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 03 con là Hồ Thị Thủy T, sinh ngày 12/9/1995; Hồ Thị Như L1, sinh ngày 11/10/1997; Hồ Ngọc D, sinh ngày 31/3/2004. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Hồ Quốc K kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1995. Ông K và bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 07/3/1995 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp. Quá trình chung sống, bà và ông K không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Cuộc sống vợ chồng đôi khi cũng có cãi vã nhưng đó chỉ là những bất đồng bình thường trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng ông K và bà vẫn hòa thuận.

- Về con chung: Ông K và bà có 03 con là Hồ Thị Thủy T, sinh ngày 12/9/1995; Hồ Thị Như L1, sinh ngày 11/10/1997; Hồ Ngọc D, sinh ngày 31/3/2004. Ngoài Hồ Thị Thủy T đã lập gia đình, Hồ Thị Ngọc L2 và Hồ Ngọc D vẫn đang sinh sống cùng với cha mẹ, vẫn chưa ổn định cuộc sống và vẫn cần có sự quan tâm và lo lắng.

- Về tài sản chung: Bà L không trình bày.

- Về nợ chung: Bà L không trình bày.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 168/2025/HNGĐ-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Quốc K đối với bà Nguyễn Thị Kim L về việc "Tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Quốc K được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về con chung: Ông Hồ Quốc K, bà Nguyễn Thị Kim L có 03 con chung là Hồ Thị Thủy T, sinh năm 1995; Hồ Thị Như L1, sinh năm 1997; Hồ Ngọc D, sinh

năm 2004. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Quốc K khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; bà Nguyễn Thị Kim L không lên Tòa làm việc, không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Bà L, ông K có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Ông Hồ Quốc K khai không có, không yêu cầu giải quyết; bà L không lên Tòa làm việc, không có ý kiến nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

3. Kháng cáo của đương sự:

Ngày 08/10/2025, bà Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng cáo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 168/2025/HNGĐ-ST ngày 25/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

4. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông K, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà là đúng quy định.

Về nội dung: ông Hồ Quốc K và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 07/3/1995. Quá trình chung sống, ông K thấy vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, sống ly thân khoảng 03 năm nay. Còn bà L cho rằng mâu thuẫn bình thường, không có nghiêm trọng nên bà không muốn ly hôn.

Ông K đã từng nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với bà L vào ngày 17/12/2024 sau đó rút đơn khởi kiện để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Ngày 18/6/2025, ông K lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với bà L. Bà L trình bày mâu thuẫn không trầm trọng nhưng qua 02 lần ông K nộp đơn xin ly hôn và Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ mà bà vắng mặt tại các buổi làm việc, hoà giải và xét xử cho thấy bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông K.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K dù bà L không đồng ý là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới cũng như không có phương án hoà giải nào để hàn gắn tình cảm với ông K nên không có cơ sở xem xét kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

- Về thủ tục kháng cáo: Bà L nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bà L:

Bà Nguyễn Thị Kim L và và ông Hồ Quốc K kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1995. Ông K và bà L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 07/3/1995 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo các Điều 5, 6 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi xét xử, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo cho rằng phán quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai không phù hợp với quy định của pháp luật, dẫn tới việc xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, trong đó đã có đầy đủ nội dung nguyên đơn yêu cầu và giấy triệu tập, tuy nhiên bà L có đơn xin vắng mặt tại buổi làm việc và gửi kèm theo bản tự khai. Ngày 04/8/2025, bà L có bản tự khai và trình bày trong quá trình chung sống, bà và ông K không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng đôi khi có lời qua tiếng lại với nhau nhưng không đến mức phải ly hôn. Tại biên bản làm việc ngày 05/08/2025, ông K trình bày, năm 2024, ông có nộp đơn xin ly hôn với bà L tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, hồ sơ được chuyển cho Trung tâm H – đối thoại và ông K đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai và nhiều lần triệu tập nhưng bà L không đến.

Những tình tiết trên cho thấy giữa ông K và bà L có mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng và mâu thuẫn này nghiêm trọng đến mức ông K đã từng nộp đơn ly hôn tại Toà án tuy nhiên sau đó ông K chủ động rút đơn để tự hoà giải, hàn gắn. Trong vụ án ly hôn này, mặc dù bà L đã được Toà án sơ thẩm triệu tập nhiều lần để làm việc, hoà giải nhưng bà L vẫn vắng mặt, thể hiện bà L dù bản thân mối quan hệ vợ chồng có rạn nứt trầm trọng nhưng bà vẫn bỏ mặc, không quan tâm. Điều này cho thấy mối quan hệ hôn nhân của ông K và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K là có căn cứ. Bà L kháng cáo cho rằng phán quyết của Tòa án sơ thẩm không phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, chưa phù hợp với quy định pháp luật nhưng bà cũng không có chứng cứ gì mới

để chứng minh cho kháng cáo của bà nên kháng cáo của L là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 168/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 6 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Quốc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Quốc K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/3/1995 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Hồ Quốc K, bà Nguyễn Thị Kim L có 03 con chung là Hồ Thị Thủy T, sinh năm 1995; Hồ Thị Như L1, sinh năm 1997; Hồ Ngọc D, sinh năm 2004. Do các con chung đã trưởng thành và có đủ khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Ông K khai không có, bà L không có ý kiến nên Toà án không xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hồ Quốc K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số 0007590 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Ông K đã nộp đủ.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0003871 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 1- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Tân Triều;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng